

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1559/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chung Cảnh Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thu Oanh
2. Ông Phạm Văn Tâm

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1153/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2894/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bạch Diễm P, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: 440 Hoàng Hữu Nam, tổ 1, khu phố Giản Dân, phường L, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: 440 Hoàng Hữu Nam, tổ 1, khu phố Giản Dân, phường L, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử tại Tòa án, nguyên đơn là bà Bạch Diễm P trình bày:

Bà Ph và ông Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2006, Quyền số I do Ủy ban nhân dân phường A, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/4/2006.

Cuộc sống chung của bà P và ông T hạnh phúc. Từ tháng 10/2020 đến nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T bạo lực về thể xác lẫn tinh thần, không chung thủy nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà P yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Bà P và ông Trần Văn T có 03 con chung tên Trần Tuyết N, sinh ngày 08/02/2001 đã thành niên, Trần Thiên B, sinh ngày 12/7/2007 và Trần Thiên H, sinh ngày 05/8/2009. Bà P yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung Trần Thiên B và Trần Thiên H, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 3.000.000 đồng/tháng. Bà P hiện đang kinh doanh cho thuê nhà trọ và cho thuê đất, thu nhập trung bình hàng tháng trên 35.000.000 đồng nên bà P có đủ khả năng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông T và bà Bạch Diễm P tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2006, Quyền số I do Ủy ban nhân dân phường A, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/4/2006.

Cuộc sống chung của ông T và bà P hạnh phúc. Vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống gia đình. Nay bà P yêu cầu ly hôn với ông T thì ông Thanh không đồng ý bởi vì ông T còn thương vợ con.

Về con chung: Ông T và bà Bạch Diễm P có 03 con chung tên Trần Tuyết N, sinh ngày 08/02/2001 đã thành niên, Trần Thiên B, sinh ngày 12/7/2007 và Trần Thiên H, sinh ngày 05/8/2009. Bà P yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung Trần Thiên B và Trần Thiên H, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 3.000.000 đồng/tháng thì ông T không đồng ý. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Trần Thiên B và Trần Thiên H, ông T không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T kinh doanh cho thuê nhà trọ và cho thuê đất, thu nhập trung bình hàng tháng trên 30.000.000 đồng nên tôi có đủ khả năng nuôi con chung. Ông T cho rằng phần nhà trọ và đất cho thuê là do bên mẹ vợ cho lấy tiền thuê để nuôi con, trường hợp vợ chồng ly hôn thì mẹ vợ sẽ không cho phần này nữa.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố

tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn là ông Trần Văn T có địa chỉ tại thành phố D, Thành Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của hai bên và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì bà Bạch Diễm P và ông Trần Văn T đã chung sống, có đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2006, Quyền số I do Ủy ban nhân dân phường A, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/4/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp.

Bà P cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T bạo lực về thể xác lẫn tinh thần, không chung thủy.

Theo Công văn xác minh mâu thuẫn ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố D, Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: Bà Bạch Diễm P và ông Trần Văn T trước đây đã ly thân một lần, sau đó tái hợp và hiện nay đã nộp đơn ly hôn, tình trạng mâu thuẫn nội bộ khó có khả năng hòa giải.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Điều 19: Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. ...”

Xét, quá trình sống chung giữa các bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không dung hòa được mà càng kéo dài càng trầm trọng hơn, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét, tình trạng mâu thuẫn giữa bà Phượng, ông Thanh trầm trọng, cuộc sống chung thực sự không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, việc bà Phượng yêu cầu ly hôn với ông Thanh là có cơ sở giải quyết.

Xét, ông Trần Văn T không đồng ý ly hôn với lý do ông T còn thương vợ con. Xét yêu cầu trên của ông T về việc không đồng ý ly hôn; tuy nhiên ông T cũng không có biện pháp nào thuyết phục bà P quay về chung sống và xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu của ông T không có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Bạch Diễm P và ông Trần Văn T có 03 con chung tên Trần Tuyết N, sinh ngày 08/02/2001 đã thành niên, Trần Thiên B, sinh ngày 12/7/2007 và Trần Thiên H, sinh ngày 05/8/2009. Bà P yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung Trần Thiên B và Trần Thiên H, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 3.000.000 đồng/tháng. Bà P kinh doanh cho thuê nhà trọ và cho thuê đất, thu nhập trung bình hàng tháng trên 35.000.000 đồng nên bà P có đủ khả năng nuôi con chung.

Tại bản tự khai ngày 21/12/2020, con chung Trần Thiên H và Trần Thiên B cùng trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn với nhau con chung Trần Thiên H và Trần Thiên B đều có nguyện vọng sống chung với mẹ Bạch Diễm P.

Theo Công văn xác minh mâu thuẫn ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố D, Ủy ban nhân dân phường L, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: Kinh tế gia đình bà P và ông T chủ yếu phụ thuộc vào bên ngoại nên nếu phải ly hôn 02 con chung nên giao cho mẹ Bạch Diễm P nuôi dưỡng sẽ có điều kiện tốt hơn.

Tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“ Điều 81: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn

1.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về một mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

3.”

Ông Trần Văn T khai nguồn thu nhập có được là do cho thuê phòng trọ và cho thuê đất mỗi tháng thu nhập trên 30.000.000 đồng nên việc cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 3.000.000 đồng/tháng thì ông có đủ khả năng.

Xét, hai con chung Trần Thiên H và Trần Thiên B đều có nguyện vọng sống chung với bà Bạch Diễm P; hơn nữa, theo xác minh của Ủy ban nhân dân

phường L, thành phố D thì hai con chung nên giao cho Bạch Diễm P sẽ có điều kiện nuôi dưỡng tốt hơn nên yêu cầu của bà P là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa thống nhất, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí:

- Bà Bạch Diễm P phải chịu án phí dân sự về giải quyết ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

- Ông Trần Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bạch Diễm P và ông Trần Văn T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29/2006, Quyền số I do Ủy ban nhân dân phường A, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/4/2006 cho bà Bạch Diễm P và ông Trần Văn T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

2.1. Giao 02 con chung Trần Thiên B, sinh ngày 12/7/2007 và Trần Thiên H, sinh ngày 05/8/2009 cho bà Bạch Diễm P trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Trần Văn T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng một tháng) cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp

đưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Bạch Diễm P cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Trần Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bạch Diễm P phải chịu án phí dân sự về giải quyết ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà P đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0047262 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, bà Bạch Diễm P đã nộp đủ án phí. Ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM ;
- Chi cục THADS TP. D ;
- VKSND TP D;
- UBND P A, TP D;
- Đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chung Cảnh Long